

Số: *916* /QĐ-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày *15* tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG – LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB, ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Thông tư số 02/VBHN-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định đào tạo Liên thông trình độ Cao đẳng, Đại học;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang về việc Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp họp ngày 08 tháng 6 năm 2017;

Xét đề nghị của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học cho 61 sinh viên ngành Thú y; Trong đó xếp loại tốt nghiệp như sau:

+ Tốt nghiệp loại Giỏi 04 sinh viên

+ Tốt nghiệp loại Khá 57 sinh viên

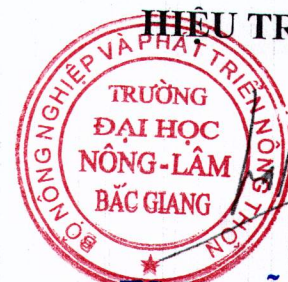
Tổng cộng 61 sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các khoa và Bộ môn, Trưởng các đơn vị công tác có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ch*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH THỦ Y
(Kèm theo quyết định số 916/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2017)



STT	Họ và tên		Năm sinh	Giới tính	Điểm TBCTL	Xếp hạng TN
1	2		3	4	6	7
Lớp: THUY 4A						
1	Nguyễn Thị Kiều	Anh	04/07/1974	Nữ	3.23	Giỏi
2	Phùng Tuấn	Anh	21/08/1991	Nam	2.52	Khá
3	Trương Công	Anh	13/01/1981	Nam	2.72	Khá
4	Đoàn Quang	Chiến	17/01/1977	Nam	2.62	Khá
5	Lê Văn	Chính	02/08/1982	Nam	2.85	Khá
6	Nguyễn Quốc	Chính	04/10/1974	Nam	2.64	Khá
7	Quách Chí	Chinh	08/01/1979	Nam	2.77	Khá
8	Phan Đăng	Công	30/06/1981	Nam	2.77	Khá
9	Trần Xuân	Định	20/05/1977	Nam	2.59	Khá
10	Nguyễn Duy	Đức	28/06/1982	Nam	2.77	Khá
11	Nguyễn Thùy	Dương	15/07/1980	Nữ	2.92	Khá
12	Đoàn Xuân	Hà	10/10/1978	Nam	2.72	Khá
13	Trọng Thị	Hà	26/12/1979	Nữ	2.90	Khá
14	Nguyễn Thị	Hà	11/07/1991	Nữ	3.01	Khá
15	Hồ Thị	Hằng	26/02/1990	Nữ	2.90	Khá
16	Nguyễn Thị	Hằng 79	02/10/1979	Nữ	2.97	Khá
17	Nguyễn Thị	Hằng 84	09/09/1984	Nữ	2.90	Khá
18	Nguyễn Thị	Hạnh	22/12/1983	Nữ	2.82	Khá
19	Trần Thị	Hạnh	01/04/1980	Nữ	3.16	Khá
20	Phạm Thị	Hiền	27/03/1989	Nữ	3.36	Giỏi
21	Nguyễn Thị	Hoa	08/02/1985	Nữ	2.92	Khá
22	Dương Thị	Hòa	01/10/1981	Nữ	3.10	Khá
23	Nguyễn Thị	Huệ	16/09/1978	Nữ	2.98	Khá
24	Huỳnh Ngọc	Huyền	04/08/1986	Nữ	2.97	Khá
25	Lương Văn	Khánh	19/05/1970	Nam	2.80	Khá
26	Nguyễn Văn	Kiên (Kiêu)	04/08/1972	Nam	2.77	Khá
27	Trần Thị	Liêm	24/09/1989	Nữ	2.97	Khá
28	Nguyễn Thành	Luân	05/11/1984	Nữ	2.90	Khá
29	Nguyễn Thị Hồng	Mai	14/11/1982	Nữ	3.00	Khá
30	Nguyễn Đức	Mạnh	17/10/1989	Nam	2.82	Khá
31	Nguyễn Văn	Mạnh	01/08/1981	Nam	2.87	Khá
32	Đào Thị	Ngân	03/10/1984	Nữ	3.03	Khá
33	Nguyễn Trọng	Nghĩa	06/11/1977	Nam	2.54	Khá
34	Kiều Thị	Niêm	11/10/1979	Nữ	3.03	Khá
35	Trương Thị	Oanh	07/12/1979	Nữ	2.93	Khá
36	Nguyễn Văn	Phán	13/01/1972	Nam	2.61	Khá
37	Phạm Thị	Phiên	14/08/1977	Nữ	2.77	Khá
38	Nguyễn Thị	Phúc	15/04/1982	Nữ	3.11	Khá
39	Nguyễn Hữu	Phước	10/09/1972	Nam	2.54	Khá

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Điểm TBCTL	Xếp hạng TN
1	2	3	4	6	7
40	Phạm Thị Phương	01/04/1987	Nữ	3.10	Khá
41	Nguyễn Thị Sang	06/02/1984	Nữ	2.93	Khá
42	Lý Đình Sơn	12/08/1981	Nam	2.80	Khá
43	Lê Văn Thái	20/04/1988	Nam	2.97	Khá
44	Phạm Đức Thắng	01/08/1977	Nam	3.03	Khá
45	Dương Thị Thư	12/11/1981	Nữ	3.21	Giỏi
46	Phan Văn Thụ	07/11/1977	Nam	2.77	Khá
47	Vũ Quốc Thương	02/11/1966	Nam	3.07	Khá
48	Vũ Thị Thanh Thủy	29/10/1986	Nữ	3.00	Khá
49	Nguyễn Thị Thanh Tình	20/05/1981	Nữ	3.05	Khá
50	Đào Thị Trang	14/08/1990	Nữ	3.18	Khá
51	Lê Đình Trung	28/04/1965	Nam	2.84	Khá
52	Bạch Quốc Tuấn	23/12/1973	Nam	2.80	Khá
53	Nguyễn Văn Tuấn	12/01/1974	Nam	2.72	Khá
54	Trương Anh Tuấn	19/08/1973	Nam	2.66	Khá
55	Thân Thị Uyên	01/07/1982	Nữ	3.13	Khá
56	Nguyễn Thị Vài	19/06/1983	Nữ	3.18	Khá
57	Nguyễn Quốc Viện	10/10/1979	Nam	2.97	Khá
58	Đào Sỹ Vịnh	11/05/1986	Nam	3.23	Giỏi
59	Lê Xuân Vũ	29/04/1981	Nam	2.89	Khá
60	Hoàng Văn Xuân	25/07/1976	Nam	2.82	Khá
61	Nguyễn Bá Xuân	12/09/1978	Nam	2.89	Khá

Tổng số sinh viên theo danh sách: 61